

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 92/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 07 - 2024

V/v: "Tranh chấp ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Luật;
- Bà Trương Thị Lệ Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Kim Lân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 07 năm 2024, tại Hội trường xét xử A, tầng trệt - Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 170/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 04 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 06 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2024/QĐHPT-HNGĐST ngày 12 tháng 07 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Chu Thị Ngọc T**, sinh năm 1976;

2. Bị đơn: Ông **Phan D**, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: Số nhà G, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T và ông D cùng xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/09/2023, bản tự khai, quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà **Chu Thị Ngọc T** trình bày:

Bà và ông **Phan D** kết hôn năm 1998, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại

UBND thị trấn Đ và được UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 09/7/1998. Quá trình chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp dẫn đến cuộc không hạnh phúc. Bà và ông D tuy vẫn còn sống chung nhưng không hỏi han, quan tâm nhau và tình cảm hầu như không còn. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà làm đơn xin ly hôn với ông D.

Về con chung: Có 02 con chung là các cháu tên Phan Anh T1, sinh ngày 24/01/1999 và Phan Anh T2, sinh năm 2003. Hiện hai cháu đã trưởng thành, đủ tuổi lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

****Tại bản tự khai ngày 29/07/2024, bị đơn ông Phan D trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình chung sống bình thường nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn do bất đồng điểm sống, lối sống, tính tình dẫn đến hai vợ chồng gây gổ, cãi vã với nhau, cuộc sống vợ chồng rất ngột ngạt, không hạnh phúc, không còn tình cảm, không còn hạnh phúc. Vợ chồng nhiều lần hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng không kết quả. Nay bà T nộp đơn xin ly hôn với ông thì ông thống nhất, không có ý kiến và đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 02 con chung là các cháu tên Phan Anh T1, sinh ngày 24/01/1999 và Phan Anh T2, sinh ngày 11/09/2003. Ly hôn, các con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Do các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

****Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:***

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, chấp hành đúng, còn bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử, thu thập chứng cứ, tài liệu, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát và giao, tổng đạt văn bản tố tụng, Tòa án đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: đề nghị ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà T và ông D;

- Về con chung: Có 02 con chung là các cháu tên Phan Anh T1, sinh ngày

24/01/1999 và Phan Anh T2, sinh ngày 11/09/2003. Ly hôn, các con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết;

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết;
- Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách đương sự, quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Bà Chu Thị Ngọc T khởi kiện “Xin ly hôn” với ông Phan D, sinh năm 1974 có nơi cư trú tại: Số nhà G, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy căn cứ quy định tại Điều 68, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bà Chu Thị Ngọc T là nguyên đơn, ông Phan D là bị đơn, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Chu Thị Ngọc T và bị đơn ông Phan D cùng có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận nên căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông D.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Chu Thị Ngọc T và ông Phan D kết hôn năm 1998, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 81, quyển số 12, đăng ký ngày 09/07/1998 nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm năm 2000 và năm 2014 để xét xử, giải quyết vụ án.

Bà T trình bày: Quá trình chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp dẫn đến cuộc không hạnh phúc. Bà và ông D tuy vẫn còn sống chung nhưng không hòa hợp, quan tâm nhau và tình cảm hầu như không còn. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà làm đơn xin ly hôn với ông D. Còn ông D trình bày: Quá trình chung sống bình thường nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn do bất đồng điểm sống, lối sống, tính tình dẫn đến hai vợ chồng gây gổ, cãi vã với nhau cuộc sống vợ chồng rất ngột ngạt, không hạnh phúc, không còn tình cảm, không còn hạnh phúc. Vợ chồng nhiều lần hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng không kết quả. Nay bà T nộp đơn xin ly hôn thì ông thống nhất, không có ý kiến và đồng ý ly hôn với bà T.

Ngoài ra, Tòa án cũng đã thu thập chứng cứ, tài liệu xác minh trình trạng

hôn nhân của ông T và bà D tại địa phương thể hiện (Bút lục 29): Vợ chồng ông bà sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông D thường xuyên đánh đập, bạo hành gia đình.

Từ những nhận định, phân tích và đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông D có thật, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà T và ông D, cho bà T được ly hôn với ông D.

[3.2] Về con chung: Bà T và ông D cùng trình bày: Quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung là các cháu tên Phan Anh T1, sinh ngày 24/01/1999 và Phan Anh T2, sinh ngày 11/09/2003. Ly hôn, các con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét, giải quyết. Vì vậy, đối vấn đề con chung và cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.3] Đối với tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông D đều thống nhất xác định: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, đối với tài sản chung và nợ chung, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 69, 92, 97, 147, 227, 228, 235, 238, 264, 266, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 10, 11, 18, 85, 89 và Điều 90 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 82, 84, 110 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Chu Thị Ngọc T đối với Phan D về việc “Tranh chấp ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Chu Thị Ngọc T được ly hôn với ông Phan D.

2. Về con chung: Có 02 con chung là các cháu tên Phan Anh T1, sinh ngày 24/01/1999 và Phan Anh T2, sinh ngày 11/09/2003.

Ly hôn, các con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0014291 ngày 09/04/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

5. Bà T, ông D vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Định Quán (Số 12, quyền số 81, đăng ký ngày 09/09/1998);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Đạt

